TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 822/2019/HC-PT
Ngày: 15 - 11 - 2019
V/v: "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Trần Văn Mười

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLPT-HC ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc "Khiếu kiện quyết định thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 71/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2275/2019/QĐ - PT ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*:

1/ Ông Vũ Văn H, sinh năm 1944 (vắng mặt)

2/ Bà Bùi Thị T, sinh năm 1946 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1216/33/3 đường 30/4, phường X12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Vũ Ngọc C, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số 107 đường Đ, phường X11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số 577 đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân thành phố V

Địa chỉ: Số 89 đường L, phường X1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn L – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

1/ Ông Cao Văn T1 (có mặt)

2/ Ông Vũ Văn Q1 (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/7/2010 Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Thông báo số 162/UBND-BBT về việc thu hồi đất thực hiện dự án: Khu tái định cư Tây Bắc AIII tại Phường 12, thành phố V.

Ngày 07/11/2016 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 9818/QĐ-UBND (Quyết định số 9818) về việc thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông bà Vũ Văn H, Bùi Thị T do Nhà nước thu hồi đất phải giải tỏa để xây dựng công trình: Khu tái định cư Tây Bắc đường AIII tại phường 12, thành phố V; nội dung thu hồi và bồi thường 815,6m^2 đất nông nghiệp vị trí 5, đường loại 4 (đường hẻm 58 N2), tổng kinh phí bồi thường về đất là 818.046.800 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 9818, ông H bà T khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND thành phố V về việc thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông H, bà T đối với diện tích 815,6 m^2 01 phần thửa 40,34,28 tờ bản đồ thu hồi đất (thửa 02 mới, tờ bản đồ địa chính số 67 mới) đối với khoản 2 Điều 1: Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất: Đất nông nghiệp vị trí 5 đường loại 4 - đường 58 N2.

Ông H, bà T yêu cầu bồi thường giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp vị trí 5, đường loại 2- đường 30/4 vì các lý do:

- Nguồn gốc diện tích 815,6 m^2 là 01 phần nằm trong diện tích 4.128,0 m^2 đất trồng cây hàng năm trong được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số AG 077132 ngày 31/8/2006 cho ông Vũ Văn H. Ngày 26/10/2010, ông H tách thành 03 thửa và được UBND thành phố cấp 03 GCNQSD đất. Các thửa đất này là liền ranh, liền thửa với nhau.

- Năm 2010, Nhà nước thu hồi và bồi thường 878,0 m^2 đất nông nghiệp thuộc dự án Trường THCS phường 12 tại Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày

29/9/2010 của UBND thành phố V đã bồi thường cho ông H theo vị trí 5 đường loại 2- đường 30/4. Tuy nhiên năm 2016 Nhà nước thu hồi diện tích 815,6m^2 của ông H theo Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 bồi thường đất theo vị trí 5 đường loại 4- đường 58 N2 là không đúng vì đất của ông H chỉ có 01 con đường duy nhất để đi ra đường 30/4 là hẻm 1216 ngoài ra không còn con đường nào khác nên người khởi kiện xác định phải được bồi thường đất theo vị trí 5 đường loại - đường 30/4 theo mục 2 khoản 4 Điều 8 Quyết định số 65/2014 ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh *"Trường hợp thửa đất thuộc khu vực chưa được cấp số nhà thì giá đất được tính theo hẻm nào nối ra đường phố chính gần nhất".*

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Phần diện tích 815,6 m^2 đất thu hồi thuộc thửa 02, tờ bản đồ số 67, bản đồ địa chính phường 12 có nguồn gốc được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất số AG 077132 ngày 31/8/2006 cho ông Vũ Văn H với diện tích 4.128,0 m^2 đất trồng cây hàng năm. Ngày 26/10/2010, ông H tách thành 03 thửa và được UBND thành phố cấp 03 GCNQSD đất. Năm 2016 nhà nước thu hồi diện tích 815,6m^2 của ông H theo Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 bồi thường đất theo vị trí 5 đường loại 4- đường hẻm 58 N2.

UBND thành phố V bồi thường đất cho ông H theo vị trí 5 đường loại 4- đường hẻm 58 N2 với lý do: Diện tích 815,6 m^2 đất thu hồi nằm cách đường phố chính đường 30/4 trên 1000m (theo đường chim bay); cách đường phố chính đường hẻm 58 N2 254m (theo đường chim bay). Mặt khác thửa đất này không có lối ra. Nên UBND thành phố đã áp dụng mục 3 khoản 4 Điều 8 Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh: ..." *Trường hợp thửa đất không có lối ra thì giá đất được tính theo vị trí thấp nhất của đường phố chính gần nhất",* bồi thường đất theo vị trí 5 đường loại 4 cho ông H là đúng quy định.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H và bà Bùi Thị T, giữ nguyên Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND thành phố V.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 71/2018/HC-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Khoản 4 Điều 8 Quy định bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 – 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND

thành phố V về việc thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông H đối với diện tích 815,6 m^2 01 phần thửa 40,34,28 tờ bản đồ thu hồi đất (thửa 02 mới, tờ bản đồ địa chính số 67 mới) đối với khoản 2 Điều 1: Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất: Đất nông nghiệp vị trí 5 đường loại 4 - đường 58 N2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/11/2018 người khởi kiện ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND thành phố V về nội dung bồi thường giá trị quyền sử dụng đất bị thu hồi. Người bị kiện có văn bản xin xét xử vắng mặt tại cấp phúc thẩm, giữ nguyên lời trình bày như tại cấp sơ thẩm. Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới so với cấp sơ thẩm.

Phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Diện tích đất bị thu hồi trước đây là 1 trong những thửa được tách ra từ thửa lớn là thửa bên trong, được xác định là có đường đi ra đường 30/4 có đường bờ bao nên đã xác định vị trí 2. Khi thu hồi đối với diện tích 815,6 m^2 thì quyết định của cơ quan có thẩm quyền có đi kiểm tra thực tế xác định có đường mòn bờ ruộng, ra hẻm 1216, không có đường ra hẻm 58 đường N2. Bản đồ địa chính của công ty đo đạc cũng xác định vị trí đất là hẻm 1216 đường 30/4 chứ không phải là không có đường đi. Khi tách thửa ra trên giấy tờ những thửa đất này không có đường ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm hủy 1 một phần quyết định 9818.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện giữ nguyên lời trình bày như tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung vụ kiện:

Ngày 07/11/2016 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 9818/QĐ-UBND (Quyết định số 9818) về việc thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông bà Vũ Văn H, Bùi Thị T do Nhà nước thu hồi đất phải giải tỏa để xây dựng công trình: Khu tái định cư Tây Bắc đường AIII tại phường 12, thành phố V; nội dung thu hồi và bồi thường 815,6m^2 đất nông nghiệp vị trí 5, đường loại 4 (đường hẻm 58 N2), tổng kinh phí bồi thường về đất là 818.046.800 đồng. Ông H, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy 1 phần quyết định 9818, bồi thường giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp bị thu hồi theo vị trí 5, đường loại 2, đường 30/4.

Người bị kiện cho rằng việc UBND thành phố V ra quyết định bồi thường 815,6 m2 đất bị thu hồi của ông H, bà T theo vị trí 5, đường loại 4 (đường hẻm 58 N2) là đúng quy định pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định:

Diện tích 815,6m^2 thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ địa chính số 67 có nguồn gốc được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG077132 ngày 31/8/2006 cho ông Vũ Văn H đối với diện tích 4.128,0 m^2 đất nông nghiệp. Ngày 26/10/2010 ông H tách thành 3 thửa và được UBND thành phố V cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất không có lối ra theo quy định pháp luật.

Ngày 29/9/2011 UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường số 3935/QĐ-UBND đối với diện tích 878,0m^2 đất nông nghiệp để thực diện dự án Trường trung học cơ sở phường 12. Diện tích còn lại 815,6m^2 đất nông nghiệp bị thu hồi ngày 07/11/2016 để thực hiện dự án Khu Tái định cư Tây Bắc A3.

Khoản 4 Điều 8 Quy định bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 – 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh quy định:

Diện tích 815,6m^2 thu hồi thuộc 1 phần thửa số 02, tờ bản đồ địa chính số 67 được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG077132 ngày 31/8/2006 cho ông Vũ Văn H đối với diện tích 4.128,0 m^2 đất nông nghiệp, thửa đất không có lối ra. Do vậy, áp dụng điểm 3 khoản 4 Điều 8 Quy định bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 19/12/2014: *"Trường hợp thửa đất không có lối ra thì giá đất được tính theo vị trí thấp nhất của đường phố chính gần nhất"* là đúng quy định.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3 Quy định bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 65 và Phụ lục 01: Danh mục đường trên địa bàn Thành phố. Vũng Tàu ban hành kém theo Quyết định 65 thì: Đường 30/4 (đường loại 2) và hẻm 58 N2 (đường loại 4) là tuyến đường thuộc đô thị. Vị trí đất thu hồi cách đường 30/4 trên 1000m (theo đường chim bay); cách đường phố chính đường

hẻm 58 N2 254m (theo đường chim bay). Do vậy, căn cứ điểm 3 khoản 4 Điều 8 Quy định bảng giá các loại đất ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 xác định điện tích đất thu hồi là đất nông nghiệp, vị trí 5, đường loại 4 (đường hẻm 58 N2) là phù hợp quy định.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định UBND thành phố V bồi thường giá trị đất nông nghiệp bị thu hồi của ông H, bà T theo vị trí 5, đường loại 4 (đường hẻm 58 N2) là đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án đã, nhận định và phán quyết đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm người khởi kiện kháng cáo nhưng không đưa ra chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

Ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

I/ Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9818/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 của UBND thành phố V về việc thu hồi và phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông H đối với diện tích 815,6 m^2 01 phần thửa 40,34,28 tờ bản đồ thu hồi đất (thửa 02 mới, tờ bản đồ địa chính số 67 mới) đối với khoản 2 Điều 1: Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất: Đất nông nghiệp vị trí 5 đường loại 4 - đường 58 N2.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T là người cao tuổi, người được miễn nộp án phí nên không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm; trả lại cho ông H, bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003543 ngày 15-11-2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

II/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Văn H, bà Bùi Thị T được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- NKK (2);
- NBK (1);
- Lưu (10) 18b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên